

Quang Trung, ngày 25 tháng 04 năm 2024

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng trong lĩnh vực đào tạo kỳ I và kỳ II năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Quang Trung

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ lao động thương binh xã hội quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ V/v quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; Hướng dẫn số 3900/HD-SGDĐT ngày 27/12/2021 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện một số chính sách thuộc lĩnh vực giáo dục qui định tại Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của UBND thành phố Uông Bí quyết định về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh học kỳ II năm học 2023-2024 và bổ sung kỳ I năm học 2023-2024;

Căn cứ quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 23/4/2024 của UBND thành phố Uông Bí quyết định về việc phê duyệt danh sách các đối tượng đang theo học tại các cơ sở giáo dục được hưởng chế độ chính sách hỗ trợ Học bổng theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ lao động thương binh xã hội học kỳ II năm học 2023-2024 và bổ sung kỳ I năm học 2023-2024;

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, bổ sung của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện miễn, giảm học phí đối tượng được hưởng chính sách xã hội.

Hôm nay, vào hồi 07h10' ngày 25/4/2024, Trường Tiểu học Quang Trung thành phố Uông Bí tổ chức niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng trong lĩnh vực đào tạo kỳ I và kỳ II năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Quang Trung.

1. Thành phần:

- Toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 44/48. Vắng: 04 có lý do;
- Chủ trì: Đ/C Nguyễn Thị Huyền - Chức vụ: Hiệu trưởng;

- Đại diện công đoàn trường: Đ/C Nguyễn Thị Hải- Chức vụ: Chủ tịch
- Người ghi biên bản: Đ/C Nguyễn Hải Yên - Chức vụ: Giáo viên, Thư ký hội đồng trường

2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng trong lĩnh vực đào tạo kỳ I và kỳ II năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Quang Trung. (Kèm theo danh sách).

2.2. Thời gian niêm yết 30 ngày: kể từ ngày 24/04/2024 đến hết ngày 24/05/2024

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của trường Tiểu học Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng trong lĩnh vực đào tạo kỳ I và kỳ II năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Quang Trung, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua Đ/C Nguyễn Hải Yên – thư ký (địa chỉ Email: Nguyenhaiyen.C1thqt@quangninh.edu.vn, số điện thoại: 0339040987) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định

Giao bà Nguyễn Hải Yên thực hiện việc bảo đảm an toàn các bảng biểu từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 7h30' cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau 01 bản công khai tại bảng niêm yết, 01 lưu tại hồ sơ kế toán.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

Nguyễn Hải Yên

ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

Nguyễn Thị Hải

CHỦ TRÌ



Nguyễn Thị Huyền
(HIỆU TRƯỞNG)

TRƯỜNG TH QUANG TRUNG

DANH SÁCH

**Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật học theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-
BTC ngày 31/12/2013) tháng 11, 12 học kỳ I năm học 2023-2024**

(Kèm theo từ trình số: 76a/TTr-THQT, ngày 07/03/2024 của trường Tiểu học Quang Trung)

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Học bổng 80% học bổng			Hỗ trợ mua đồ dùng học tập (1.000.000/9 tháng x kỳ học/tháng)			Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Số tiền hỗ trợ	Số tháng	Cộng tiền hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Số tháng	Cộng tiền hỗ trợ		
1	Nguyễn Bá Bảo Khánh	2017	1A1	1.440.000	2	2.880.000				2.880.000	Học sinh khuyết tật thuộc hộ cận nghèo
Tổng cộng: 01 Học sinh											
2.880.000											

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huyền

TRƯỜNG TH QUANG TRUNG

DANH SÁCH

Hỗ trợ tiền học bổng, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật học theo Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013) học kỳ II năm học 2023-2024

(Kèm theo từ trình số: 76/TTr-THQT, ngày 07/03/2024 của trường Tiểu học Quang Trung)

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Học bổng 80% học bổng				Hỗ trợ mua đồ dùng học tập (1.000.000/9 tháng x kỳ học/tháng)			Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Số tiền hỗ trợ	Số tháng	Cộng tiền hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Số tháng	Cộng tiền hỗ trợ			
1	Nguyễn Bá Bảo Khánh	2017	1A1	1.440.000	5	7.200.000				7.200.000	Học sinh khuyết tật thộc hộ cận nghèo	
Tổng cộng: 01 Học sinh												
7.200.000												

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Thắm

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huyền

TRƯỜNG TH QUANG TRUNG

DANH SÁCH

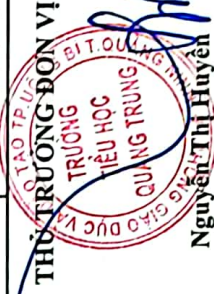
Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021
(Kèm theo từ trình số: 76/TTr-THQT, ngày 07/03/2024 của trường Tiểu học Quang Trung)

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng hưởng chính sách		Số tiền hỗ trợ/ tháng	Số tháng được hỗ trợ	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
				Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	Theo Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021				
1	Bàn Thị Minh Ngọc	2016	2A1	Điều 18 khoản 3		150.000	5	750.000	Hộ nghèo
2	Bàn Thị Thu Hằng	2013	5A5	Điều 18 khoản 3		150.000	5	750.000	Hộ nghèo
3	Nguyễn Bá bảo Khánh	2017	1A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nhẹ
4	Võ Anh Kiệt	2017	1A2	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nhẹ
5	Nguyễn Ngọc Hải	2017	1A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nặng
6	Mai Hải Phong	2016	2A2	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nặng
7	Trần Minh Lâm	2015	2A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật thần kinh, tâm thần nặng
8	Nguyễn Gia Bách	2015	3A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nặng
9	Nguyễn Trần Diệp Chi	2015	3A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nhẹ
10	Phạm Anh Thư	2015	3A3	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nhẹ
11	Vũ Quang Lam	2014	3A4	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nặng
12	Đình Thị Kim Cúc	2015	3A4	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật vận động đặc biệt nặng
13	Dương Hà Minh Hải	2015	3A5	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật trí tuệ - Nhẹ
14	Nguyễn Xuân Bách	2010	4A1	Điều 18, khoản 2		150.000	5	750.000	Khuyết tật đặc biệt nặng
Tổng cộng : 14 Học sinh								10.500.000	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Vũ Thị Thắm



Nguyễn Thị Huyền